

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1104/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xử lý
triệt để ô nhiễm môi trường điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại
Trại giống kho Xuân Giai, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích; Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 05/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích;

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 29/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của ngân sách Trung ương năm 2015 (đợt 3);

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần phải xử lý trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt dự án Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại trại giống kho Xuân Giai, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc;

Căn cứ Công văn số 688/UBND-NN ngày 20/01/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương điều chỉnh dự án: Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại trại giống kho Xuân Giai, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc;

Xét Tờ trình số 217/TTr-STNMT đề ngày 01/3/2016 về việc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh dự án Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường

điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại trại giống kho Xuân Giai, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc; Tờ trình số 390/TTr-STNMT ngày 13/4/2016 về việc điều chỉnh nguồn vốn dự án, của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1379/SXD-HĐXD ngày 29/3/2016 về việc đề nghị phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại trại giống kho Xuân Giai, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Trại giống kho Xuân Giai, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Trại giống kho Xuân Giai, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc.

2. Loại và cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV.

3. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa.

4. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 11.358.942.000 đồng.

5. Nguồn vốn: Từ nguồn sự nghiệp môi trường của ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

7. Nhà thầu khảo sát, thiết kế xây dựng công trình, lập dự toán xây dựng: Công ty Cổ phần Tư Vấn Tài Nguyên và Môi Trường.

8. Quy mô và nội dung đầu tư:

8.1 Hạng mục: Phá dỡ.

- Phá dỡ dãy phòng học hai tầng phía Tây đến phần cầu thang giữa nhà (mỗi tầng 03 phòng học), kích thước mặt bằng 7,22x24,96m; cầu thang ngoài nhà.

- Phá dỡ nhà 01 tầng (hiện trạng kho sử dụng), kích thước mặt bằng 8,391x2,135m; bóc bỏ lớp bề mặt nền phòng học và sân trường trong phạm vi ô nhiễm.

8.2 Hạng mục: Xử lý đất ô nhiễm.

Diện tích khu đất thực hiện dự án là 646,4m².

a) Xử lý đất ô nhiễm bằng phương pháp hóa học (Fenton) kết hợp phân hủy sinh học: Xử lý ô nhiễm bằng phương pháp hóa học với tổng diện tích là 626,7m²; chiều sâu xử lý là 0 - 2,9m. Trong đó:

- Khu vực nền kho diện tích 19,7m²; thể tích đất xử lý 37,5m³.

- Khu vực ô nhiễm nặng diện tích 158,5m²; thể tích đất xử lý 433,4m³.

- Khu vực ô nhiễm trung bình diện tích là 197m²; thể tích đất xử lý 456m³.

- Khu vực ô nhiễm nhẹ diện tích là 251,5m²; thể tích đất xử lý 391m³.

b) Xử lý đất ô nhiễm bằng phương pháp đốt: diện tích xử lý 19,7m²; chiều sâu xử lý là 0 - 1,0m; thể tích đất xử lý 19,7m³.

c) Xây tường ngăn cách giữa khu vực thi công xử lý ô nhiễm và trường học: chiều dài là 53,3m; xây gạch tiêu chuẩn VXM mác 75 bổ trụ kích thước 330x220mm, móng tường xây gạch tiêu chuẩn VXM mác 75.

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 11.358.942.000 đồng.

(Mười một tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn đồng)

Trong đó:

- | | |
|----------------------------|---------------------|
| - Chi phí xây lắp: | 8.040.441.000 đồng. |
| - Chi phí QLDA: | 155.326.701 đồng. |
| - Chi phí bồi thường GPMB: | 742.310.000 đồng. |
| - Chi phí TVĐTXDCT: | 821.108.412 đồng. |
| - Chi phí khác: | 567.124.424 đồng. |
| - Chi phí dự phòng: | 1.032.631.054 đồng. |

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: 03 năm.

Điều 2. Chủ đầu tư (Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

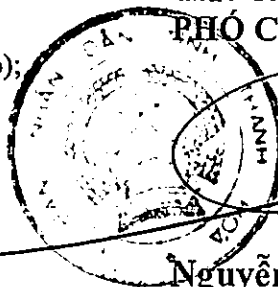
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường (chủ đầu tư); Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ
CÔNG TRÌNH: XỬ LÝ TRIỆT ĐỂ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐIỂM TỒN LƯU HÓA CHẤT BẢO VỆ THỰC VẬT TẠI TRẠI
GIỒNG KHU XUÂN GIAI, XÃ VĨNH TIẾN, HUYỆN VĨNH LỘC

(Kèm theo Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	TỔNG KINH PHÍ		
				Trước thuế	VAT	Sau thuế
1	2	3	4	6	7	8
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd		7.309.491.818	730.949.182	8.040.441.000
1	Phá dỡ tạo mặt bằng thi công		Dự toán chi tiết	249.510.000	24.951.000	274.461.000
2	Xử lý đất ô nhiễm bằng phương pháp đốt		Dự toán chi tiết	1.482.019.091	148.201.909	1.630.221.000
3	Xử lý đất ô nhiễm bằng phương pháp hóa học		Dự toán chi tiết	5.512.814.545	551.281.455	6.064.096.000
4	Hoàn trả mặt bằng		Dự toán chi tiết	65.148.182	6.514.818	71.663.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gplda	(Gxd) x 2,125%	155.326.701		155.326.701
III	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB	Ggpmb	Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 27/1/2016 của UBND huyện Vĩnh Lộc	674.827.273	67.482.727	742.310.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN	Gtv		746.462.193	74.646.219	821.108.412
1	Chi phí khảo sát địa hình			6.710.909	671.091	7.382.000
2	Chi phí khảo sát môi trường lập dự án			252.499.054	25.249.905	277.748.959
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		Gxd x 2,589%	189.242.743	18.924.274	208.167.017
5	Chi phí thẩm tra thiết kế		Gxd x 0,158%	11.548.997	1.154.900	12.703.897
6	Chi phí thẩm tra dự toán		Gxd x 0,153%	11.183.522	1.118.352	12.301.875
7	Chi phí kiểm định			72.000.000	7.200.000	79.200.000
8	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp		Gxd x 0,303%	22.147.760	2.214.776	24.362.536
9	Chi phí giám sát thi công xây lắp		Gxd x 2,053%	150.063.867	15.006.387	165.070.254
11	Chi phí đánh giá giám sát dự án		20% x Gplda	31.065.340	3.106.534	34.171.874
V	CHI PHÍ KHÁC	Gk		492.480.702	44.643.722	567.124.424

1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)		Theo Văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013			30.000.000
2	Lệ phí thẩm định BCKTKT		TMĐT x 0,019%	2.158.199		2.158.199
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt Quyết toán vốn		TMĐT x 0,644x50%	36.575.793		36.575.793
4	Chi phí kiểm toán		TMĐT x 1,064%	109.871.948	10.987.195	120.859.143
5	Chi phí bảo hiểm công trình		Gxd x 0,3%	21.928.475	2.192.848	24.121.323
6	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp		Gxd x 0,1%	7.309.492		7.309.492
7	Chi phí quan trắc sau xử lý			314.636.795	31.463.679	346.100.474
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	Gdp1 + Gdp2			1.032.631.054
1	Khối lượng phát sinh	Gdp1	5% * (I+..+V)			516.315.527
2	Yếu tố trượt giá	Gdp2	5% * (I+..+V)			516.315.527
	TỔNG CỘNG	Gtmdt				11.358.941.591
	LÀM TRÒN					11.358.942.000
Số tiền bằng chữ: Mười một tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng ./.						